



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Sài Gòn, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán quý 2 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026





CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM
Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Sài Gòn, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán quý 2 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

Gồm có:

- 01- Báo cáo tình hình tài chính*
- 02- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- 03- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*
- 04- Thuyết minh báo cáo tài chính*

23
ON
3 F
0 1
ET
/ - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn. Vào ngày 3 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2001 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SDGHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông được; bán giống cây trồng, cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng, và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà máy được đặt tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong Quý 2 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Công Cứ	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên
Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong Quý 2 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban
Ông Bùi Quang Anh	Thành viên
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong Quý 2 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Nguyễn Phước Tâm	Phó Tổng Giám đốc.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong Quý 2 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Công Cứ.

Ông Trần Văn Dũng được Ông Trương Công Cứ ủy quyền để ký báo cáo tài chính theo Giấy Ủy quyền số 138/2025/GUQ-TGD ngày 15 tháng 5 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Mẫu số B 01 – DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Kỳ kế toán Quý 2 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,617,749,815,085	2,048,332,228,594
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	V.1	170,755,496,017	642,863,251,010
1. Tiền	111		170,755,496,017	642,863,251,010
II. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	V.02	400,290,983,466	814,956,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		99,476,027,466	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		300,814,956,000	814,956,000
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		870,175,650,774	542,663,534,097
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	875,554,149,319	543,552,432,990
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7,438,487,507	4,542,482,118
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	4,564,973,233	7,701,423,786
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.5	(17,381,959,285)	(13,132,804,797)
IV. HÀNG TỒN KHO	140		1,174,695,360,683	858,798,914,911
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1,177,521,719,088	861,689,002,044
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(2,826,358,405)	(2,890,087,133)
VI. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	160		1,832,324,145	3,191,572,576
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.11	1,492,472,176	2,851,817,698
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		339,851,969	339,754,878
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		213,562,705,481	220,166,216,301
I. PHẢI THU DÀI HẠN	210		2,552,982,086	2,535,259,921
1. Phải thu dài hạn khác	215		2,552,982,086	2,535,259,921
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		141,330,786,541	142,135,392,449
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	90,051,358,836	90,168,152,580
- Nguyên giá	222		282,884,905,985	276,173,298,322
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(192,833,547,149)	(186,005,145,742)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	51,279,427,705	51,967,239,869
- Nguyên giá	228		70,624,962,479	71,904,165,648
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(19,345,534,774)	(19,936,925,779)
IV. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	240	V.10	12,961,430,341	13,341,432,967
- Nguyên giá	241		27,647,980,011	27,647,980,011
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(14,686,549,670)	(14,306,547,044)
V. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN	250		4,596,577,525	3,869,264,303
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.7	4,596,577,525	3,869,264,303
VI. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	260		40,000,000,000	40,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	261		40,000,000,000	40,000,000,000
VII. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	270		12,120,928,988	18,284,866,661
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.11	12,120,928,988	8,284,866,661
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	10,000,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2,831,312,520,566	2,268,498,444,895

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,185,534,693,403	668,333,624,131
I. NỢ NGẮN HẠN	310		1,183,510,660,825	666,815,041,246
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	819,911,219,750	250,837,828,184
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,709,830,257	9,637,861,101
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	10,768,806,500	9,260,787,500
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	43,529,341,707	68,874,201,885
5. Phải trả người lao động	315		114,052,782,285	142,594,470,137
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	35,928,677,447	29,108,127,955
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		467,798,560	366,495,360
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	11,144,656,798	10,081,456,897
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.12	89,082,333,481	87,449,061,000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		55,915,214,040	58,604,751,227
II. NỢ DÀI HẠN	330		2,024,032,578	1,518,582,885
1. Phải trả dài hạn khác	338	V.17	2,024,032,578	1,518,582,885
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,645,777,827,163	1,600,164,820,764
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	417,146,140,000	417,146,140,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		417,146,140,000	417,146,140,000
2. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415	V.18	(20,000,000)	(20,000,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	170,255,461,442	203,462,343,942
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.18	57,318,886,021	24,346,814,721
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,001,077,339,700	955,229,522,101
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	4200		825,321,026,695	677,508,776,047
- LNST chưa phân phối kỳ này	4201		175,756,313,005	277,720,746,054
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,831,312,520,566	2,268,498,444,895

NGƯỜI LẬP BIỂU/ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Ngọc Phương

Lập, ngày 21 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Kỳ kế toán Quý 2 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026*

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Diễn giải	TM	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế kỳ này	Lũy kế kỳ trước
100	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	945,580,614,824	801,483,020,777	2,070,476,849,324	1,880,615,195,897
110	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	37,556,051,151	22,978,091,000	70,738,528,372	56,145,873,000
120	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		908,024,563,673	778,504,929,777	1,999,738,320,952	1,824,469,322,897
130	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	665,039,481,899	587,989,143,612	1,505,575,685,587	1,378,389,913,646
140	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		242,985,081,774	190,515,786,165	494,162,635,365	446,079,409,251
150	7. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	36,794,570,619	27,001,706,567	51,331,461,563	42,512,533,813
160	8. Chi phí tài chính	VI.5	14,051,320,296	9,215,530,836	28,474,216,533	15,966,154,223
161	- Trong đó: chi phí lãi vay		1,244,712,057	1,003,051,251	1,293,827,283	2,515,569,134
170	9. Chi phí bán hàng	VI.8	143,439,978,829	97,050,225,991	257,002,128,486	221,159,038,270
180	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.8	21,240,306,598	17,054,681,823	42,894,864,716	41,327,172,670
190	11. Lợi nhuận thuần từ HĐKD		101,048,046,670	94,197,054,082	217,122,887,194	210,139,577,901
200	12. Thu nhập khác	VI.6	614,164,282	1,243,141,363	2,630,419,289	1,802,254,033
210	13. Chi phí khác	VI.7	707,078,110	2,273,773,303	2,036,358,258	2,938,401,239
220	14. Lợi nhuận khác		(92,913,828)	(1,030,631,940)	594,061,030	(1,136,147,206)
230	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		100,955,132,842	93,166,422,142	217,716,948,225	209,003,430,695
240	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	8,353,195,154	4,755,360,330	31,960,635,220	28,055,719,968
250	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		10,000,000,000	12,839,263,158	10,000,000,000	12,839,263,158
260	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		82,601,937,688	75,571,798,654	175,756,313,005	168,108,447,569

NGƯỜI LẬP BIỂU / KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)


Phạm Thị Ngọc Phương

Lập, ngày 21 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Trần Văn Dũng**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2026	Năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	217,716,948,225	209,003,430,695
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	9,948,283,572	10,166,673,810
Các khoản dự phòng	03	4,185,425,760	(4,333,658,060)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	152,508,725	764,069,322
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(25,826,018,782)	(20,501,465,841)
- Chi phí đi vay	06	1,293,827,283	2,515,569,134
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	207,470,974,783	197,614,619,060
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(317,982,106,186)	(106,045,311,506)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(315,832,717,044)	(184,251,059,602)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	524,882,720,045	196,282,228,804
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	7,523,283,195	(687,542,545)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(99,476,027,466)	
- Chi phí đi vay đã trả	14	(1,269,784,750)	(2,271,476,494)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(55,484,621,245)	(73,870,110,521)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	131,473,000	222,799,154
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4,471,576,830)	(9,590,918,854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(54,508,382,498)	17,403,227,496
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9,490,988,260)	(2,433,690,630)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	68,724,547	1,072,727,271
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(350,000,000,000)	(350,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50,000,000,000	-
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	13,796,984,235	10,782,163,228
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(295,625,279,478)	(340,578,800,131)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	89,082,333,481	97,483,000,000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(87,449,061,000)	(166,839,636,896)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(123,629,823,000)	(164,839,764,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(121,996,550,519)	(234,196,400,896)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(472,130,212,495)	(557,371,973,531)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	642,863,251,010	791,581,737,034
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	22,457,502	11,357,090
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	170,755,496,017	234,221,120,593

NGƯỜI LẬP BIỂU / KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Ngọc Phương

Lập, ngày 21 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Vào ngày 03 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 32 (lần gần nhất) ngày 31 tháng 7 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (trước đây là Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam) và Nhà máy được đặt tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (trước đây là tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 1.373 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.345 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng, phun vệ sinh và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty con và 8 chi nhánh.

Thông tin về công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
		Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Công ty TNHH Hải Yến	Khánh Hòa	66,67	66,67	66,67	66,67	Cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Thông tin về các chi nhánh như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại phía bắc	Hà Nội
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Quy Nhơn	Gia Lai (trước đây là Quy Nhơn)
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nha Trang	Nha Trang
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
6	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Nam Sông Hậu	Cần Thơ
7	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Bắc Sông Hậu	An Giang
8	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Đức Hòa Long An	Tây Ninh (trước đây là Long An)

Hoạt động kinh doanh chính của các chi nhánh là cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Trình bày lại số liệu cho mục đích so sánh khi áp dụng thông tư kế toán mới

Khoản mục	Số đầu kỳ (đã báo cáo)	Trình bày lại	Số đầu kỳ (đã trình bày lại)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	9.260.787.500	9.260.787.500
Phải trả ngắn hạn khác	19.342.244.397	(9.260.787.500)	10.081.456.897

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2-2026 VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026**

Báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 2-2026.

Báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026 kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2-2026. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026 này với báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2-2026 cho kỳ hoạt động Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026 này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2026 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026 tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 2-2026 yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026 cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2-2026 trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2-2026 khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính riêng Quý 2-2026 theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Đối với hàng hóa, nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

- Đối với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập với tỷ lệ 100% cho hàng đã hết hạn sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2-2026.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2-2026 theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50
Phần mềm máy tính	03 - 05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó, không trích khấu hao; và
- Nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 17 đến 25 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm phí bảo hiểm, thuê văn phòng, chi phí sửa chữa, cải tạo, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm thể hiện số tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2-2026 theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê và thời gian được bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2-2026, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình (là trung bình cộng giữa tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản) của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (là ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp có tần suất hoặc giá trị giao dịch nhiều hơn so với bên khác) tại ngày thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2-2026.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2-2026 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng Quý 2-2026 và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2-2026 và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

II. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN QUÝ 2-2026

Đơn vị tính : VNĐ

1. Tiền

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền mặt	12,833,382	50,087,502
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	170,542,662,635	642,813,163,508
- Các khoản tương đương tiền	200,000,000	-
Cộng	170,755,496,017	642,863,251,010

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	40,000,000,000	40,000,000,000
- Đầu tư vào công ty con;	40,000,000,000	40,000,000,000
+ Giá gốc		
Công ty TNHH Hải Yến	40,000,000,000	40,000,000,000
+ Dự phòng		
Cộng	40,000,000,000	40,000,000,000

3. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	875,554,149,319	543,552,432,990
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng không có		
b) Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
Số đầu năm	13,132,804,797	18,290,131,866
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	13,930,669,543	12,236,576,483
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	9,681,515,055	17,393,903,552
Số dư cuối năm	17,381,959,285	13,132,804,797

4. Phải thu khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Phải thu về khách hàng liên quan tiền đất	1,500,000,000	1,500,000,000
- Tạm ứng	2,663,789,319	3,704,448,947
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	287,330,185	262,305,600
- Phải thu khác	113,853,729	2,234,669,239
Cộng	4,564,973,233	7,701,423,786
b) Dài hạn		
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,552,982,086	2,535,259,921
Cộng	2,552,982,086	2,535,259,921

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. Nợ phải thu quá hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.	2,563,659,583	4,773,115,183
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.	3,500,889,805	1,625,453,477
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.	1,601,894,015	5,013,145,362
Dự phòng nợ phải thu từ 3 năm trở lên.	9,715,515,882	1,721,090,775
Cộng	17,381,959,285	13,132,804,797

Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã được trích lập dự phòng đầy đủ

6. Hàng tồn kho:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Hàng đang đi trên đường;	44,669,358,340	11,868,144,075
- Nguyên liệu, vật liệu;	158,241,108,664	197,398,480,608
- Công cụ, dụng cụ;	3,234,648,677	2,476,490,521
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	7,860,544,912	5,849,994,829
- Sản phẩm	63,725,264,651	43,116,751,476
- Hàng hóa;	899,790,793,844	600,979,140,535
Cộng	1,177,521,719,088	861,689,002,044

Dự phòng hàng tồn kho

Số đầu năm	(2,890,087,133)	(6,316,145,356)
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	(177,893,859)	(1,433,262,843)
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	241,622,587	4,859,321,066
Số dư cuối năm	(2,826,358,405)	(2,890,087,133)

7. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Dự án xây dựng trại thí nghiệm	494,175,097	231,892,875
Dự án xây dựng ứng dụng quản lý bán hàng và marketing	3,917,371,428	3,637,371,428
Mua sắm tài sản cố định		
+ Sửa chữa Tòa nhà VFC Tower	185,031,000	
Cộng	4,596,577,525	3,869,264,303

8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Phụ lục 1 trang 19

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	65,750,630,035	6,153,535,613	71,904,165,648
- Mua trong năm	-	194,444,444	194,444,444
- Thanh lý, nhượng bán	-	1,473,647,613	1,473,647,613
Số dư Cuối kỳ	65,750,630,035	4,874,332,444	70,624,962,479
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư Đầu kỳ	14,430,640,169	5,506,285,610	19,936,925,779
- Khấu hao trong năm	687,817,101	194,439,507	882,256,608
- Thanh lý, nhượng bán	-	1,473,647,613	1,473,647,613
Số dư Cuối kỳ	15,118,457,270	4,227,077,504	19,345,534,774
Giá trị còn lại			
- Tại ngày Đầu kỳ	51,319,989,866	647,250,003	51,967,239,869
- Tại ngày Cuối kỳ	50,632,172,765	647,254,940	51,279,427,705

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;

395,656,844	3,675,288,000	4,070,944,844
-------------	---------------	---------------

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà, Văn phòng làm việc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	8,092,241,500	19,555,738,511	27,647,980,011
Số dư Cuối kỳ	8,092,241,500	19,555,738,511	27,647,980,011
Giá trị hao mòn lũy kế			-
Số dư Đầu kỳ		14,306,547,044	14,306,547,044
- Khấu hao trong năm		380,002,626	380,002,626
Số dư Cuối kỳ	-	14,686,549,670	14,686,549,670
Giá trị còn lại			-
- Tại ngày Đầu kỳ	8,092,241,500	5,249,191,467	13,341,432,967
- Tại ngày Cuối kỳ	8,092,241,500	4,869,188,841	12,961,430,341

11. Chi phí chờ phân bổ**a) Ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	411,461,124	1,183,500,002
- Chi phí thuê VP, kho bãi	228,174,051	223,335,123
- Bảo hiểm	419,981,087	438,426,597
- Chi phí trả trước khác	432,855,914	1,006,555,976
Cộng	1,492,472,176	2,851,817,698

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	3,254,520,852	2,893,980,204
- Chi phí trả trước khác	8,866,408,136	5,390,886,457
Cộng	12,120,928,988	8,284,866,661

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay ngắn hạn		
+ Giá trị	89,082,333,481	87,449,061,000
+ Số có khả năng trả nợ	89,082,333,481	87,449,061,000
- Trong năm		
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	89,082,333,481	280,593,245,353
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	87,449,061,000	365,530,076,932

13. Phải trả người bán

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Công Ty TNHH Syngenta Việt Nam	695,639,242,829	176,804,737,381
Itochu Chemical Frontier Corporation	41,392,957,133	28,515,647,160
- Phải trả cho các đối tượng NCC khác	82,879,019,788	45,517,443,643
Cộng	819,911,219,750	250,837,828,184

14. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	10,768,806,500	9,260,787,500
Cộng	10,768,806,500	9,260,787,500

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

Phụ lục 2 trang 20

16. Chi phí phải trả**Ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Chi phí phải trả chính sách bán hàng	35,928,677,447	29,108,127,955
Cộng	35,928,677,447	29,108,127,955

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

17. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>a) Ngắn hạn</i>		
- Kinh phí công đoàn;	1,097,409,268	947,770,918
- Bảo hiểm xã hội;	4,447,890,761	-
- Bảo hiểm y tế;	671,112,736	0
- Bảo hiểm thất nghiệp;	298,269,060	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	922,685,117	1,288,615,870
- Thù lao HĐQT & BKS	330,000,002	2,075,289,456
- Phải trả lợi ích cho các cán bộ CNV và đối tác đồng tham gia góp vốn xây dựng khách sạn Novotel Nha Trang.	2,802,880,000	2,802,880,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	574,409,854	2,966,900,653
Cộng	11,144,656,798	10,081,456,897
<i>b) Dài hạn</i>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,024,032,578	1,518,582,885
Cộng	2,024,032,578	1,518,582,885
18. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	58,604,751,227	65,282,267,589
<i>Trích tăng trong kỳ</i>	<i>1,547,228,443</i>	<i>17,563,512,638</i>
- Trích tăng trong kỳ	1,415,755,443	16,167,482,638
- Tăng khác	131,473,000	1,396,030,000
<i>Chi trong kỳ</i>	<i>4,236,765,630</i>	<i>24,241,029,000</i>
- Giảm trong kỳ	4,112,500,000	24,241,029,000
- Giảm khác	124,265,630	
Số dư cuối kỳ	55,915,214,040	58,604,751,227
19. Vốn chủ sở hữu		
<i>a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>		
Xem phụ lục 3 trang 21		
<i>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn góp của các cổ đông	417,146,140,000	417,146,140,000
Cộng	417,146,140,000	417,146,140,000
<i>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	417,146,140,000	417,146,140,000
+ Vốn góp Đầu kỳ	417,146,140,000	417,146,140,000
+ Vốn góp Cuối kỳ	417,146,140,000	417,146,140,000
<i>d) Cổ phiếu</i>	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	41,714,614	41,714,614
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	41,714,614	32,088,864
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	41,714,614	41,714,614
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	41,714,614	32,088,864
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	2,000	2,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	41,712,614	41,712,614
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	41,712,614	32,088,864

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10000 VND/ cổ phần

e) *cổ tức đã trả*

Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông

Cuối kỳ	Đầu kỳ
125,137,842,000	208,563,070,000

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a) *Ngoại tệ các loại:*

Cuối kỳ	Đầu kỳ
USD	
17,606.11	10,289.87

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	770,775,980,096	634,082,845,858
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	172,297,421,871	164,049,641,974
- Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	2,507,212,857	3,350,532,945
Cộng	945,580,614,824	801,483,020,777

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại;	37,556,051,151	22,978,091,000
Cộng	37,556,051,151	22,978,091,000

3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán;	567,089,982,364	497,580,695,986
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	97,759,498,221	90,218,446,314
- Chi phí kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;	190,001,314	190,001,312
Cộng	665,039,481,899	587,989,143,612

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7,000,002,218	9,494,162,131
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	208,838,194	55,697,651
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;	17,625,399,263	9,451,806,873
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	20,944	39,912
Cộng	36,794,570,619	27,001,706,567

5. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay;	1,244,712,057	1,003,051,251
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;	12,100,331,802	7,146,008,265
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	629,540,267	1,066,471,320
Cộng	14,051,320,296	9,215,530,836

6. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	68,724,547	877,272,726
- Các khoản khác	545,439,735	365,868,637
Cộng	614,164,282	1,243,141,363

7. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản bị phạt;		13,500,000
- Các khoản khác	707,078,110	2,260,273,303
Cộng	707,078,110	2,273,773,303

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

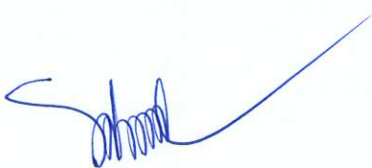
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

	Kỳ này	Kỳ trước
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
- Chi phí lương và chi phí khác	129,046,869,369	87,793,344,585
- Chi phí khấu hao	1,679,882,604	1,698,740,623
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,713,226,856	7,558,140,783
Cộng	143,439,978,829	97,050,225,991
<i>b) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</i>		
- Chi phí lương và chi phí khác	20,002,656,678	7,974,075,189
- Chi phí khấu hao	599,804,053	628,371,430
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	637,845,867	8,452,235,204
Cộng	21,240,306,598	17,054,681,823
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu; thành phẩm hàng hóa	665,039,481,899	587,989,143,612
- Chi phí nhân công; và chi phí khác	149,049,526,047	95,767,419,774
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,279,686,657	2,327,112,053
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	13,351,072,723	16,010,375,987
Cộng	829,719,767,326	702,094,051,426
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8,353,195,154	4,755,360,330
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8,353,195,154	4,755,360,330
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	82,601,937,688	75,571,798,654
Số trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	(1,415,755,443)	(13,003,364,154)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	81,186,182,245	62,568,434,500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	41,712,614	41,712,614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1,946	1,500

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 07 năm 2026.



Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập/ Kế toán trưởng
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2026



Trần Văn Dũng
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,

Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Phụ lục 1

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	143,942,393,616	31,995,511,618	88,785,132,613	6,304,905,301	5,145,355,174	276,173,298,322
- Mua trong năm	-	470,306,250	8,039,248,417	59,675,927	-	8,569,230,594
- Thanh lý, nhượng bán	-	94,775,840	741,153,091	1,021,694,000	-	1,857,622,931
Số dư Cuối kỳ	143,942,393,616	32,371,042,028	96,083,227,939	5,342,887,228	5,145,355,174	282,884,905,985
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	87,830,932,919	27,032,770,950	60,918,511,640	5,244,996,393	4,977,933,840	186,005,145,742
- Khấu hao trong năm	3,261,854,270	756,572,942	4,256,749,842	345,955,283	64,892,001	8,686,024,338
- Thanh lý, nhượng bán	-	94,775,840	741,153,091	1,021,694,000	-	1,857,622,931
Số dư Cuối kỳ	91,092,787,189	27,694,568,052	64,434,108,391	4,569,257,676	5,042,825,841	192,833,547,149
Giá trị còn lại						
- Tại ngày Đầu kỳ	56,111,460,697	4,962,740,668	27,866,620,973	1,059,908,908	167,421,334	90,168,152,580
- Tại ngày Cuối kỳ	52,849,606,427	4,676,473,976	31,649,119,548	773,629,552	102,529,333	90,051,358,836

- Nguyên giá TSCĐ Cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

33,094,183,214 23,782,023,698 39,625,743,247 3,533,620,301 4,646,803,174 104,682,373,634

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Phụ lục 2

15. Thuế và các khoản (phải thu) / phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra phải nộp		8,358,653,844	129,592,133,151	132,722,902,522	-	5,227,884,473
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			8,663,243,235	8,663,243,235	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu		-	120,696,010	120,696,010	-	-
Thuế TNĐN		55,484,621,241	31,960,635,220	55,484,621,245	-	31,960,635,216
Thuế thu nhập cá nhân		4,421,205,284	20,546,850,399	21,255,320,591	-	3,712,735,092
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		-	15,556,200	15,556,200	-	-
Thuế môi trường		-	313,040,257	313,040,257	-	-
Thuế trúng thưởng, KTX		299,799,000	3,605,301,891	3,076,130,565	-	828,970,326
Các loại thuế khác		309,922,515	2,696,607,650	1,207,413,565	-	1,799,116,600
Cộng	-	68,874,201,884	197,514,064,012	222,858,924,190	-	43,529,341,707

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Phụ lục 3

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Đơn vị tính: VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2024	417,146,140,000	(20,000,000)	203,462,343,942	21,974,704,575	849,363,673,899	1,491,926,862,416		
Lãi trong năm 2025								
Chi quỹ HDXH					(2,627,889,854)	335,597,478,538		335,597,478,538 (2,627,889,854)
Trích quỹ HDXH năm 2024					5,000,000,000	(5,000,000,000)		-
Trích quỹ khen thưởng cho năm 2025						(16,164,118,484)		(16,164,118,484)
Chi trả cổ tức 2024- 2025						(208,563,070,000)		(208,563,070,000)
Giảm khác						(4,441,852)		(4,441,852)
Số dư tại ngày 31/12/2025	417,146,140,000	(20,000,000)	203,462,343,942	24,346,814,721	955,229,522,101	1,600,164,820,764		
Lãi trong năm 2026								
Chi quỹ HDXH					(234,811,200)	175,756,313,005		175,756,313,005 (234,811,200)
Chi trả cổ tức 2025						(125,137,842,000)		(125,137,842,000)
Tăng khác					33,206,882,500	33,206,882,500		33,206,882,500
Giảm khác						(4,770,653,406)		(37,977,535,906)
Số dư tại ngày 30/06/2026	417,146,140,000	(20,000,000)	170,255,461,442	57,318,886,021	1,001,077,339,700	1,645,777,827,163		

